

Số: 42 /NQ-HĐND

Thành phố Cao Bằng, ngày 12 tháng 10 năm 2021

NGHỊ QUYẾT
Về kế hoạch đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2021-2025 thành phố Cao Bằng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG
KHOÁ XXII, KỲ HỌP THỨ BA (CHUYÊN ĐỀ)

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của
Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số
973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy
định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn vốn
ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 52/2020/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2020 của
Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định
mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn
2021-2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Hội
đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn
2021-2025 vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng;*

*Xét Tờ trình số 272/TTr-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban
nhân dân thành phố Cao Bằng về thông qua kế hoạch đầu tư công trung hạn giai
đoạn 2021-2025 thành phố Cao Bằng; Báo cáo thẩm tra của ban Kinh tế - Xã hội
Hội đồng nhân dân Thành phố và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng
nhân dân Thành phố tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thành phố
Cao Bằng.

1. Tổng số kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thành phố Cao Bằng là: 170.199,079 triệu đồng. Trong đó:

- Vốn cân đối ngân sách địa phương thành phố bố trí: 43.093 triệu đồng.
- Nguồn thu từ sử dụng đất thành phố bố trí: 126.106,079 triệu đồng.
- Vốn tăng thu ngân sách địa phương tỉnh bố trí: 1.000 triệu đồng.

(Cụ thể có phụ lục chi tiết kèm theo)

2. Nguyên tắc phân bổ vốn.

Tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công năm 2019, Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Nghị quyết số 135/2020/QH 14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết số 52/2020/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 2. Giao cho Ủy ban nhân dân thành phố Cao Bằng:

1. Tổ chức thực hiện Nghị quyết và chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, các chủ đầu tư triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

2. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường căn cứ mức vốn được giao, xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 của địa phương, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân thành phố, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Cao Bằng khóa XXII, kỳ họp thứ Ba (*chuyên đề*) thông qua ngày 12 tháng 10 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Các sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp;
- TT Thành ủy;
- TT HĐND Thành phố
- UBND Thành phố;
- UBMTTQVN Thành phố;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- Các cơ quan, đơn vị, đoàn thể Thành phố;
- TT HĐND; UBND các xã, phường;
- Cổng thông tin điện tử Thành phố;
- Lưu: VT, VP.

CHỦ TỊCH



Tô Vũ Ninh

PHỤ LỤC 1

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 THÀNH PHỐ CAO BẰNG

(Kèm theo Nghị quyết số: 42/NQ-HĐND ngày 12 tháng 10 năm 2021 của HĐND thành phố Cao Bằng)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn GD 2021-2025		Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: vốn đầu tư trong cân đối NSDP
						Tổng số	Trong đó: vốn CD NSDP			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG SỐ					558.359,879	73.495,097	170.199,079	170.199,079	
A	Vốn cân đối ngân sách địa phương thành phố bố trí					54.896,462	54.896,462	43.093,000	43.093,000	
I	Danh mục dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025					54.896,462	54.896,462	43.093,000	43.093,000	-
1	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội					9.000,000	9.000,000	4.075,449	4.075,449	
1.1	Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc Thành ủy, đoàn thể thành phố Cao Bằng	Phường Hợp Giang		2020 - 2022	QĐ số 2804/QĐ-UBND ngày 16/8/2019	2.000,000	2.000,000	2.000,000	2.000,000	TMĐT điều chỉnh 2.000 trđ; Đủ
1.2	Trụ sở, cửa hàng giới thiệu và bán sản phẩm nông nghiệp của Trung tâm dịch vụ nông nghiệp Thành phố	Phường Đề Thám		2020 - 2022	QĐ số 2686/QĐ-UBND ngày 16/8/2019	7.000,000	7.000,000	2.075,449	2.075,449	Tổng mức đầu tư điều chỉnh 7.000 trđ (Trong đó bố trí năm 2021: 3.291,722 trđ; Nguồn NSDP 2.075,449 trđ; Nguồn SDD 1.216,273 trđ, còn thiếu 3.708,278 trđ)
2	Các hoạt động kinh tế					35.896,462	35.896,462	28.057,551	28.057,551	
2.1	Mở rộng đường trên cống ngầm thuộc tổ 25 phường Sông Hiến	Phường Sông Hiến		2020 - 2022	QĐ số 2685/QĐ-UBND ngày 16/8/2019	2.396,462	2.396,462	1.569,551	1.569,551	TMĐT 2.396; trong đó: Nguồn NSDP 1.569,551 trđ; nguồn sử dụng đất: 826,911 trđ; đủ vốn theo TMĐT
2.2	Đường phục vụ sản xuất nông nghiệp, kết hợp ổn định dân cư khu vực Nà Hoàng, phường Hòa Chung, thành phố Cao Bằng	Phường Hoà Chung		2023 - 2025	QĐ số 1856/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	4.500,000	4.500,000	4.500,000	4.500,000	
2.3	Đồ án quy hoạch phân khu phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, tỷ lệ 1/2000	phường Đề Thám		2022- 2024	QĐ số 1857/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	3.000,000	3.000,000	3.000,000	3.000,000	
2.4	Đồ án quy hoạch phân khu phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, tỷ lệ 1/2000	phường Sông Hiến		2023- 2025	QĐ số 1858/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	3.000,000	3.000,000	3.000,000	3.000,000	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn GD 2021-2025		Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn đầu tư trong cân đối NSDP	
						Tổng số	Trong đó: vốn CĐ NSDP			
2.5	Đồ án quy hoạch phân khu phường Sông Bằng, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, tỷ lệ 1/2000	phường Sông Bằng		2023-2025	QĐ số 1858/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	3.000,000	3.000,000	3.000,000	3.000,000	
2.6	Đồ án quy hoạch phân khu phường Hòa Chung, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, tỷ lệ 1/2000	phường Hòa Chung		2024-2025	QĐ số 1860/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	3.000,000	3.000,000	3.000,000	3.000,000	
2.7	Đồ án quy hoạch chi tiết Quần thể di tích chùa Viên Minh, đền Quan Triều, xã Hưng Đạo, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, tỷ lệ 1/500	Xã Hưng Đạo		2022	QĐ số 1861/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	500,000	500,000	500,000	500,000	
2.8	Đồ án quy hoạch chi tiết Khu sinh thái hồ Khuổi Khoán, xã Vĩnh Quang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, tỷ lệ 1/500	xã Vĩnh Quang		2024 - 2025	QĐ số 1862/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	1.000,000	1.000,000	1.000,000	1.000,000	
2.9	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông Nà Rùa, thuộc tổ 08, phường Hoà Chung, thành phố Cao Bằng	Phường Hòa Chung		2022-2024	QĐ số 1863/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	5.300,000	5.300,000	4.248,000	4.248,000	TMĐT: 5.300 trđ; nguồn NSDP 4.248 trđ; nguồn SDD 1.052 trđ
2.10	Xây dựng Hệ thống rãnh dọc thoát nước hai bên đường Sông Mãng, phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng	Phường Đề Thám		2024 - 2025	QĐ số 1864/QĐ-UBND ngày 30/8/2031	3.000,000	3.000,000	3.000,000	3.000,000	
2.11	Xây dựng hạ tầng và GPMB dự án khu du lịch sinh thái Hồ Sen, xã Hưng Đạo, thành phố Cao Bằng	Xã Hưng Đạo		2024 - 2025	QĐ số 1865/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	6.000,000	6.000,000	1.000,000	1.000,000	TMĐT 6.000 trđ; Nguồn cân đối NSDP 1.000 trđ; Nguồn SDD 5.000 trđ
2.12	Cải tạo nâng cấp đường từ đường tránh QL3 vào trường tiểu học Đề Thám	Phường Đề Thám		2024 - 2025	QĐ số 1866/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	1.200,000	1.200,000	240,000	240,000	TMĐT: 1.200 trđ, vốn NSDP: 240 trđ, SDD: 960 trđ
3	Quốc phòng					10.000,000	10.000,000	10.000,000	10.000,000	
3.1	Công trình diễn tập phòng thủ thành phố Cao Bằng			2021 - 2023	QĐ số 172/QĐ-UBND-m ngày 03/12/2020	10.000,000	10.000,000	10.000,000	10.000,000	Nguồn vốn TP bố trí 2.000; Tỉnh bố trí 1.000; Bố trí đủ vốn
4	Xã hội					-	-	960,000	960,000	
4.1	Vốn hỗ trợ cho người có công với cách mạng về nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ	TPCB						960,000	960,000	
4.1.1	Phường Hợp Giang							80,000	80,000	
4.1.2	Phường Sông Bằng							180,000	180,000	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn GD 2021-2025		Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn đầu tư trong cân đối NSDP	
						Tổng số	Trong đó: vốn CĐ NSDP			
4.1.3	Phường Đề Thám							360,000	360,000	
4.1.4	Phường Hoà Chung							180,000	180,000	
4.1.5	Xã Hưng Đạo							120,000	120,000	
4.1.6	Xã Vĩnh Quang							40,000	40,000	
B	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất					503.463,417	18.598,635	126.106,079	126.106,079	
I	Nguồn vượt thu sử dụng đất năm 2020 chuyển sang					9.598,635	9.598,635	3.138,824	3.138,824	
1	Quốc phòng					1.194,930	1.194,930	1.194,930	1.194,930	
1.1	Xây dựng hệ thống đường dây 0,4kV cấp điện phục vụ Khu căn cứ chiến đấu thành phố Cao Bằng	Xã Vĩnh Quang		2021 - 2022	QĐ số 1169/QĐ-UBND ngày 09/7/2021	1.194,930	1.194,930	1.194,930	1.194,930	Bổ trí đủ TMĐT 1.194,930 trđ
2	Các hoạt động kinh tế (Lĩnh vực giao thông)					8.403,705	8.403,705	1.943,894	1.943,894	
2.1	GPMB "xử lý điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông" tại khu vực lý trình Km272+700 - Đường Quốc lộ 3 thuộc địa phận thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.	Thành phố Cao Bằng		2020 - 2022	QĐ số 2875/QĐ-UBND ngày 29/8/2019	3.000,000	3.000,000	1.674,251	1.674,251	TMĐT 3.000 trđ; trong đó: Nguồn vượt thu SDD 1.674,251 trđ; nguồn sử dụng đất: 1.325,749 trđ; Bổ trí đủ 3 tỷ theo TMĐT
2.2	Via hè vòng xuyên Ngọc Xuân đến cầu Gia Cung	Phường Ngọc Xuân		2020 - 2022	QĐ số 1718/QĐ-UBND ngày 21/8/2018	5.403,705	5.403,705	269,643	269,643	TMĐT 5.403,705 trđ (Trong đó Nguồn vượt thu SDD 269,643 trđ; nguồn SDD theo KH: 5.134,062 trđ)
II	Nguồn sử dụng đất kế hoạch 2021 - 2025					492.864,782	9.000,000	122.144,595	122.144,595	
1	Trả nợ dự án ODA, nợ các công trình hoàn thành và bố trí vốn đối ứng thực hiện dự án ODA					320.000,000	0,000	19.193,691	19.193,691	
1.1	Chương trình đô thị miền núi phía bắc thành phố Cao Bằng							10.031,691	10.031,691	
1.1.1	Gốc + lãi vay							8.752,150	8.752,150	
1.1.2	Vốn đối ứng Chương trình đô thị miền núi phía bắc thành phố Cao Bằng				QĐ số 1117/QĐ-UBND ngày 29/6/2021			1.279,541	1.279,541	
1.2	Kè bờ trái sông Hiến, thành phố cao Bằng	TPCB		2018-2021	QĐ số 1539 ngày 29/10/2018	320.000,000		9.162,000	9.162,000	
2	Hỗ trợ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương							27.254,833	27.254,833	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn GD 2021-2025		Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn đầu tư trong cân đối NSDP	
						Tổng số	Trong đó: vốn CĐ NSDP			
2.1	Phường Hợp Giang	Phường Hợp Giang						2.254,833	2.254,833	
2.2	Phường Sông Bằng	Phường Sông Bằng						2.500,000	2.500,000	
2.3	Phường Sông Hiến	Phường Sông Hiến						2.500,000	2.500,000	
2.4	Phường Tân Giang	Phường Tân Giang						2.500,000	2.500,000	
2.5	Phường Ngọc Xuân	Phường Ngọc Xuân						2.500,000	2.500,000	
2.6	Phường Đề Thám	Phường Đề Thám						2.500,000	2.500,000	
2.7	Phường Duyệt Trung	Phường Duyệt Trung						2.500,000	2.500,000	
2.8	Phường Hòa Chung	Phường Hòa Chung						2.500,000	2.500,000	
2.9	Xã Chu Trinh	Xã Chu Trinh						2.500,000	2.500,000	
2.10	Xã Vĩnh Quang	Xã Vĩnh Quang						2.500,000	2.500,000	
2.11	Xã Hưng Đạo	Xã Hưng Đạo						2.500,000	2.500,000	
3	Kinh phí thực hiện các đề án của thành phố giai đoạn 2021-2025	TPCB						20.000,000	20.000,000	
3.1	Hỗ trợ kinh phí thi điểm xây dựng mới, mở rộng, sửa chữa nhà văn hoá tổ xóm							614,000	614,000	
a	Xây mới							364,000	364,000	
	Phường Tân Giang							182,000	182,000	
	Phường Ngọc Xuân							182,000	182,000	
b	Mở rộng							225,000	225,000	
	Phường Tân Giang							75,000	75,000	
	Phường Sông Hiến							75,000	75,000	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn GD 2021-2025		Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn đầu tư trong cân đối NSDP	
						Tổng số	Trong đó: vốn CĐ NSDP			
	Phường Sông Bằng							75,000	75,000	
c	Sửa chữa							25,000	25,000	
	Phường Sông Hiến							25,000	25,000	
3.2	Kinh phí xây dựng đề án cơ chế đặc thù, vượt trội để thành phố Cao Bằng trở thành thành phố du lịch, văn minh, hiện đại							300,000	300,000	
3.3	Kinh phí thực hiện các đề án của thành phố chưa phân bổ							19.086,000	19.086,000	
4	Các dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2021					4.193,290	-	495,458	495,458	
4.1	Quy hoạch					4.193,290	-	495,458	495,458	
4.1.1	Đồ án quy hoạch phân khu xã Hưng Đạo, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, tỷ lệ 1/2000	Xã Hưng Đạo			QĐ số 2178/QĐ-UBND ngày 04/10/2018	4.193,290		495,458	495,458	Đã bố trí hết năm 2020: 3.190 trđ, tiếp tục bố trí 495,458 trđ; Bố trí đủ theo nhu cầu của chủ đầu tư
5	Danh mục dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025					168.671,492	9.000,000	55.200,613	55.200,613	
5.1	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội					73.250,644	-	10.224,551	10.224,551	
5.1.1	Trụ sở, cửa hàng giới thiệu và bán sản phẩm nông nghiệp của Trung tâm dịch vụ nông nghiệp Thành phố	Phường Đề Thám		2020 - 2022	QĐ số 2686/QĐ-UBND ngày 16/8/2019			4.924,551	4.924,551	Tổng mức đầu tư điều chỉnh 7.000 trđ (Trong đó bố trí năm 2021: 3.291,722 trđ; Nguồn NSDP 2.075,449 trđ; Nguồn SDD 1.216,273 trđ, còn thiếu 3.708,278 trđ)
5.1.2	Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND xã Hưng Đạo, thành phố Cao Bằng	Xã Hưng Đạo		2121 - 2023		10.547,102		1.000,000	1.000,000	(Dự án sử dụng vốn đầu tư của tỉnh, đang chờ QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư của UBND tỉnh)
5.1.3	Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng	Phường Đề Thám		2121 - 2023		14.466,922		1.000,000	1.000,000	(Dự án sử dụng vốn đầu tư của tỉnh, đang chờ QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư của UBND tỉnh)
5.1.4	Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND phường Ngọc Xuân, thành phố Cao Bằng	Phường Ngọc Xuân		2121 - 2023		19.497,000		1.000,000	1.000,000	(Dự án sử dụng vốn đầu tư của tỉnh, đang chờ QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư của UBND tỉnh)
5.1.5	Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND phường Duyệt Trung, thành phố Cao Bằng	Phường Duyệt Trung		2022 - 2024		15.000,000		1.000,000	1.000,000	(Dự án sử dụng vốn đầu tư của tỉnh, đang chờ QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư của UBND tỉnh)

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn GD 2021-2025		Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn đầu tư trong cân đối NSDP	
						Tổng số	Trong đó: vốn CD NSDP			
5.1.6	Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND phường Tân Giang và Trạm y tế phường Tân Giang	Phường Duyệt Trung		2022 - 2024		13.439,620		1.000,000	1.000,000	(Dự án sử dụng vốn đầu tư của tỉnh, đang chờ QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư của UBND tỉnh)
5.1.7	Mở rộng, cải tạo, sửa chữa Trung tâm y tế thành phố			2022 - 2024	QĐ số 1955/QĐ-UBND ngày 07/9/2021	300,000		300,000	300,000	
5.2	Các hoạt động kinh tế					68.920,848	9.000,000	38.476,062	38.476,062	
5.2.1	Xây dựng điện chiếu sáng ngõ xóm năm 2021	TPCB		2020 - 2021	QĐ số 2800/QĐ-UBND ngày 22/8/2019	1.500,000		1.500,000	1.500,000	Bổ trí đủ vốn năm 2021
5.2.2	Xây dựng điện chiếu sáng ngõ xóm năm 2022			2022 - 2023	QĐ số 1852/QĐ-UBND ngày 30/8/2021			1.000,000	1.000,000	
5.2.3	Xây dựng điện chiếu sáng ngõ xóm năm 2023			2023 - 2024	QĐ số 1853/QĐ-UBND ngày 30/8/2021			1.000,000	1.000,000	
5.2.4	Xây dựng điện chiếu sáng ngõ xóm năm 2024			2024	QĐ số 1854/QĐ-UBND ngày 30/8/2021			300,000	300,000	
5.2.5	Xây dựng điện chiếu sáng ngõ xóm năm 2025			2025	QĐ số 1855/QĐ-UBND ngày 30/8/2021			200,000	200,000	
5.2.6	Cầu nối từ phường Hợp Giang với phường Hòa Chung, thành phố Cao Bằng (giai đoạn 2)			2025 - 2026	QĐ số 1954/QĐ-UBND ngày 07/9/2021	7.420,848		2.000,000	2.000,000	
5.2.7	Mở rộng đường trên cống ngầm thuộc tổ 25 phường Sông Hiến			2020 - 2022	QĐ số 2685/QĐ-UBND ngày 16/8/2019			826,911	826,911	TMĐT 2.396; trong đó: Nguồn NSDP 1.569,551 trđ; nguồn sử dụng đất: 826,911 trđ; đủ vốn theo TMĐT
5.2.8	GPMB "xử lý điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông" tại khu vực lý trình Km272+700 - Đường Quốc lộ 3 thuộc địa phận thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.	TPCB		2020 - 2022	QĐ số 2875/QĐ-UBND ngày 29/8/2019			1.325,749	1.325,749	TMĐT 3.000 trđ; trong đó: Nguồn vượt thu SDD 1.674,251 trđ; nguồn sử dụng đất: 1.325,749 trđ; Bổ trí đủ 3 tỷ theo TMĐT
5.2.9	Via hè vòng xuyên Ngọc Xuân đến cầu Gia Cung	Phường Ngọc Xuân		2020 - 2022	QĐ số 1718/QĐ-UBND ngày 21/8/2018			5.134,062	5.134,062	TMĐT 5.403,705 trđ (Trong đó Nguồn vượt thu SDD 269,643 trđ; nguồn SDD theo KH: 5.134,062 trđ)
5.2.10	Đường vào khu khai thác, chế biến vật liệu xây dựng tập trung của Thành phố Cao Bằng			2021 - 2022	QĐ 2489/QĐ-UBND ngày 09/12/2020	50.000		9.000,000	9.000,000	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn GD 2021-2025		Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: vốn đầu tư trong cân đối NSDP
						Tổng số	Trong đó: vốn CĐ NSDP			
5.2.11	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông Nà Rùa, thuộc tổ 08, phường Hoà Chung, thành phố Cao Bằng	Phường Hòa Chung		2023 - 2024	QĐ số 1863/QĐ-UBND ngày 30/8/2021			1.052,000	1.052,000	TMĐT: 5.300 trđ; nguồn NSDP 4.248 trđ; nguồn SDD 1.052 trđ
5.2.12	Xây dựng hạ tầng và GPMB dự án khu du lịch sinh thái Hồ Sen, xã Hưng Đạo, thành phố Cao Bằng	Xã Hưng Đạo		2023 - 2025	QĐ số 1865/QĐ-UBND ngày 30/8/2021			5.000,000	5.000,000	TMĐT 6.000 trđ; Nguồn cân đối NSDP 1.000 trđ; Nguồn SDD 5.000 trđ
5.2.13	Khắc phục hậu quả bão lũ cống ngầm ngã 3 Địa chất, tổ 6, phường Hòa Chung, thành phố Cao Bằng	Phường Hòa Chung		2023 - 2025	QĐ số 1956/QĐ-UBND ngày 07/9/2021	1.000,000	1.000,000	1.000,000	1.000,000	
5.2.14	Xây dựng phố hoa thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Phường Sông Hiến		2121 - 2023	QĐ số 1957/QĐ-UBND ngày 07/9/2021	4.000,000	4.000,000	4.000,000	4.000,000	
5.2.15	Đường giao thông tổ 5 - tổ 8 phường Ngọc Xuân, thành phố Cao Bằng	Phường Ngọc Xuân		2023 - 2025	QĐ số 1958/QĐ-UBND ngày 07/9/2021	4.000,000	4.000,000	4.000,000	4.000,000	
5.2.16	Cải tạo nâng cấp đường từ đường tránh QL3 vào trường tiểu học Đề Thám	Phường Đề Thám		2024 - 2025	QĐ số 1866/QĐ-UBND ngày 30/8/2021			960,000	960,000	
5.2.17	Kè ta luy âm, mặt đường bê tông đường 1/4 giáp đường tránh quốc lộ 4A nối QL 3 thuộc tổ 4, phường Hòa Chung, thành phố Cao Bằng	Phường Hòa Chung		2021 - 2022	QĐ số 1170/QĐ-UBND ngày 09/7/2021	1.000,000		177,340	177,340	Trong đó vốn thu hồi phân bổ lại: 822,660 triệu đồng, vốn kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025: 177,340 triệu đồng
5.3	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật:					22.000,000	-	2.000,000	2.000,000	
5.3.1	Khắc phục hậu quả thiên tai và di dân ra khỏi vùng sạt lở tại tổ 16, phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Phường Hoà Chung			QĐ số 456/QĐ-UBND ngày 24/3/2021	22.000,000		2.000,000	2.000,000	
5.4	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp					4.500,000	-	4.500,000	4.500,000	
5.4.1	Mầm non 3/10, thành phố Cao Bằng. Hạng mục: Nhà 04 lớp học	Phường Hợp Giang		2023 - 2025	QĐ số 851/QĐ-UBND ngày 31/8/2021	4.500,000		4.500,000	4.500,000	
III	Kinh phí thu hồi từ các dự án hết nhiệm vụ chi phân bổ lại					1.000,000	-	822,660	822,660	
1	Các hoạt động kinh tế					1.000,000	-	822,660	822,660	
1.1	Kè ta luy âm, mặt đường bê tông đường 1/4 giáp đường tránh quốc lộ 4A nối QL 3 thuộc tổ 4, phường Hòa Chung, thành phố Cao Bằng	Phường Hòa Chung		2021 - 2022	QĐ số 1170/QĐ-UBND ngày 09/7/2021	1.000,000		822,660	822,660	Trong đó vốn thu hồi phân bổ lại: 822,660 triệu đồng, vốn kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025: 177,340 triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn GD 2021-2025		Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn đầu tư trong cân đối NSDP	
						Tổng số	Trong đó: vốn CD NSDP			
C	Vốn tăng thu ngân sách địa phương tính bố trí							1.000,000	1.000,000	
1	Hỗ trợ xi măng làm đường giao thông nông thôn xây dựng nông thôn mới							1.000,000	1.000,000	
1.1	Xã Chu Trinh	Xã Chu Trinh		2021 - 2022				340,000	340,000	
1.2	Xã Hưng Đạo	Xã Hưng Đạo		2021 - 2022				330,000	330,000	
1.3	Xã Vĩnh Quang	Xã Vĩnh Quang		2021 - 2022				330,000	330,000	